

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Đ**

**TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 111/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-12-2024

V/v *Tranh chấp ly hôn*.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà PHẠM YẾN NHƯ

*Hội thẩm nhân dân:*

. Bà ĐẶNG THỊ HIỆP

. Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

**-Thư ký phiên tòa:** Ông MAI VŨ HOÀI PHƯƠNG – Thư ký Tòa án huyện Đ

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:** Ông PHẠM VĂN BẢNG – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 465/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 và Thông báo dời phiên tòa số 06/2024/TB-TA ngày 27/11/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Ông **Đặng Duy L**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số B thôn Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bà T, ông L vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo các bản khai, đơn khởi kiện nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và ông Đặng Duy L đăng ký kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chồng tôi cờ bạc, ăn chơi gây nợ. Hiện nay tôi và chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn tôi yêu cầu được ly hôn với ông Đặng Duy L.

- **Về con chung:** Có 02 con chung Đặng Nguyễn Bảo M, sinh ngày 03/11/2012 và Đặng Duy Bảo N, sinh ngày 08/04/2020. Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được quyền nuôi con Đặng Nguyễn Bảo M, còn con chung Đặng Duy Bảo N sẽ do ông Đặng Duy L nuôi dưỡng. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và về nợ chung:** Không có.

**\* Bị đơn ông Đặng Duy L trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tôi và bà Nguyễn Thị T đăng ký kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại Số B thôn Q, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hiện nay tôi và vợ đã sống ly thân 01 năm nay nay cô T yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý.

- **Về con chung:** Vợ chồng tôi có 02 con chung Đặng Nguyễn Bảo M, sinh ngày 03/11/2012 và Đặng Duy Bảo N, sinh ngày 08/04/2020. Hiện nay cô T nuôi con Bảo M, còn tôi đang nuôi con Bảo N. Nếu phải ly hôn tôi đồng ý cô T tiếp tục nuôi con Bảo M tôi tiếp tục nuôi con Bảo N. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và về nợ chung:** Không có.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa hôm nay, theo đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn ông Đặng Duy L; Về con chung: Hiện bà T nuôi con Đặng Nguyễn Bảo M, còn ông L đang nuôi con Đặng Duy Bảo N. Nay ly hôn thì bà T tiếp tục nuôi con Bảo M, ông L tiếp tục nuôi con Bảo N. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

**\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:**

*Việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định; vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật TTTDS năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tại Điều 68, 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Đặng Duy L.

+ Về con chung: Đề nghị giao bà T tiếp tục nuôi con Đặng Nguyễn Bảo M, sinh ngày 03/11/2012, ông L tiếp tục nuôi con Đặng Duy Bảo N, sinh ngày 08/04/2020. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về tố tụng:** Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T với bị đơn ông Đặng Duy L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông L bà T có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

### **[2] Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L kết hôn có đăng ký kết hôn theo luật định. Theo bà T trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông L cờ bạc, ăn chơi gây nợ. Hiện nay đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn trách nhiệm với nhau, cuộc sống chung đã hoàn toàn chấm dứt. Ông L không đồng ý nhưng quá trình hòa giải, không có biện pháp hàn gắn gia đình, chỉ không đồng ý ly hôn mà không thuyết phục bà T quay về. Bà T cương quyết ly hôn.

Xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông L tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử chấp nhận cho bà T được ly hôn ông L là phù hợp và đúng pháp luật theo Điều 51, 56 Luật HNGĐ.

- Về con chung: Bà T với ông L có 02 con chung Đặng Nguyễn Bảo M, sinh ngày 03/11/2012 và Đặng Duy Bảo N, sinh ngày 08/04/2020; Hiện bà T nuôi con

Bảo M, còn ông L đang nuôi con Bảo N. Nay ly hôn thì bà T và ông L thống nhất bà T tiếp tục nuôi con Bảo M, ông L tiếp tục nuôi con Bảo N. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà T nhận chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về áp dụng pháp luật:** Căn cứ vào:

- Điều 33, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điều 27, 35, 203, 220 và điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015;

- Điều 26 Luật thi hành án Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **2. Về nội dung:** Xử

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Đặng Duy L.

2. *Về con chung:* Giao bà Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi con chung Đặng Nguyễn Bảo M, sinh ngày 03/11/2012, ông L tiếp tục nuôi con Đặng Duy Bảo N, sinh ngày 08/04/2020. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

3. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị T nhận chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng. (Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0004219 ngày 01.10.2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA dân sự.

**3. Về quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết bà T và ông L có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAT LĐ
- VKSND H.ĐT
- UBND xã T.
- Các đương sự
- Lưu HS, lưu AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Yến Như**